



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG
SOCTRANG SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY

220 National Road 1A, Soctrang Province, Vietnam

Tel : (84) 79. 3822164 - 3821201 - 3822367. Fax : (84) 79. 3821801 - 3823620

Email : stapimex@hcm.vnn.vn

Website : www.stapimex.com.vn

Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG

Năm báo cáo : 2009

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập : Tiền thân Công ty doanh nghiệp nhà nước và được thành lập từ năm 1978. Đến năm 1993 Công ty đổi tên thành Công Ty Thủy Sản Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp Sóc Trăng. Vào ngày 01/06/2006 Công ty chính thức cổ phần hoá trở thành công ty cổ phần lấy tên là Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Sóc Trăng.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần : Công ty Cổ Phần Thủy Sản Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty thủy sản xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng và chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 01/06/2006.

+ Niêm yết : Cổ phiếu công ty chưa niêm yết.

+ Các sự kiện khác : Đăng ký trở thành Công ty đại chúng từ ngày 30/06/2007.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa , kinh doanh một số mặt hàng nông sản ;

- Nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu ;

- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh các mặt hàng phục vụ nuôi trồng thủy sản, vận tải hàng hóa đường bộ ; Dệt may công nghiệp;

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị ;

- Kinh doanh các mặt hàng, ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký phù hợp với qui định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Tình hình hoạt động :

	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
- Sản lượng TP (tấn) :	6.467	6.954	6.659
- Kim ngạch xuất (tr. USD) :	62	62,29	69,95
- Lợi nhuận (tỉ đồng) :	25,26	25,05	20,02
- Lao động (người) :	2.899	3.461	3.174

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty : Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỉ suất lợi nhuận tối ưu, nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Mở rộng và nâng cao tỉ trọng các mặt hàng giá trị gia tăng tại hai xí nghiệp chế biến tôm.
- Đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ tại 61B Lê Lợi, phường 6, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Xây dựng nhà máy chế biến cá tại cụm công nghiệp Cái Côn, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM để huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

Năm 2009 Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, đạt 20,02 tỉ đồng. Doanh thu tăng trên 18% so với năm 2008. Đến cuối năm 2009, tình hình tài chính của Công ty ổn định, nguồn vốn lưu động luôn đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Toàn bộ vốn cổ phần phát hành thêm trong năm 2007 và năm 2008 đã được đầu tư cho xây dựng Xí nghiệp An Phú, đúng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua. Năm 2009, Xí nghiệp đông lạnh An Phú đã phát huy hiệu quả và góp phần nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch
- Sản lượng sản xuất	7.000 tấn	6.659 tấn	95%
- Kim ngạch xuất khẩu	60 triệu USD	69,95 triệu USD	117%

- Lợi nhuận	15 tỷ đồng	20,02 tỷ đồng	133%
- Cổ tức (dự kiến)	12%	18%	150%
- Đầu tư nuôi	500 ha	535 ha	107%
- Thu nhập bình quân	2.150.000 đ	2.440.000 đ	113%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai : tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỉ trọng mặt hàng có giá trị cao, đa dạng hóa sản phẩm, đổi mới và nâng cấp trang thiết bị, ổn định chất lượng sản phẩm.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán : Bảng chỉ tiêu tài chính 2009 (kèm theo)
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 565,35 tỉ đồng
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : 77,5 tỉ đồng, không có thay đổi.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : Cổ phiếu thường 7.750.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Cổ phiếu thường 7.480.500CP
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : 269.500 CP
- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : 1.800 đồng/CP

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Công tác thị trường :

Công ty, trong năm vừa qua đã khá tích cực trong công tác tiếp thị, củng cố khách hàng cũ và tăng cường khai thác khách hàng và thị trường mới, góp phần đưa sản lượng tiêu thụ năm 2009 lên 6.837,94 tấn tăng 11,12% và kim ngạch đạt 69,95 triệu USD tăng 12,3%. Trong đó hàng giá trị gia tăng (GTGT) tăng lên gần 600 tấn. Nhờ quan tâm phát triển thị trường phụ, sản lượng và kim ngạch thị trường này tăng lên và chiếm 17,27% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2009. Các thị trường chính như Mỹ, Nhật cũng tăng về lượng và kim ngạch. Đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện ngành tôm Việt Nam tăng trưởng 7,4% về lượng và 0,7% về giá trị.

Tuy nhiên, qua một năm thực hiện cho thấy cũng còn một số tồn tại. Trong khi các thị trường đang nổi lên mạnh như Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức đối với Việt Nam thì lại giảm hoặc chưa tiếp cận được đối với Stapimex. Tình hình tiêu thụ tôm thẻ còn yếu so với ngành tôm Việt Nam. Kết quả khai thác khách hàng mới còn hạn chế, doanh số đối với khách hàng này còn khiêm tốn. Hệ thống quảng bá hình ảnh công ty chưa được quan tâm đúng mức, việc tiếp cận khách hàng còn bị động. Công tác định vị sản phẩm cho thị trường và khách hàng chưa được tổ chức thực hiện đầy đủ.

2.2. Về chất lượng sản phẩm :

Công tác quản lý chất lượng luôn được quan tâm đúng mức. Tính chuyên nghiệp của hệ thống, phương pháp quản lý được đổi mới cùng với sự đầu tư đúng mức của công ty về thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng,... tạo tính ổn định của sản phẩm và bồi đắp thêm niềm tin của khách hàng vào đơn vị. Cụ thể trong năm không xảy ra sự cố nào lớn đối với sản phẩm công ty.

2.3. Về thu mua nguyên liệu :

Năm vừa qua công ty đã có nhiều cố gắng trong cải tiến phương thức tiếp nhận nguyên liệu, đổi mới trong xây dựng các tiêu chuẩn đầu vào, tạo thuận lợi về phương tiện, nước đá, tiền mặt kịp thời cho nhà cung cấp. Mặc dù sản lượng tôm nuôi năm 2009 giảm, nhưng công ty cũng thu mua được 9.515 tấn, trong đó tôm thẻ chiếm 1.144 tấn, giảm 9% so với năm 2008. Chất lượng nguyên liệu tiếp tục ổn định. Song, một số tồn tại của các năm trước vẫn chưa được khắc phục. Đó là, chưa đa dạng được nguồn cung cấp tôm sú, chủ yếu vẫn dựa vào nguồn cung cấp tại Sóc Trăng là chính và các đại lý cung cấp có quy mô nhỏ, khó huy động sản lượng lớn khi cần thiết.

Công tác đầu tư vùng nuôi năm qua đã gặt hái được thành công tốt đẹp với diện tích mặt nước công ty đầu tư lên đến 535 ha tăng 7% và sản lượng tôm mua từ lĩnh vực này lên đến 2.400 tấn. Đồng thời, vốn đầu tư được thu hồi đầy đủ. Tuy vậy, công tác điều hành đôi lúc thiếu linh động, chưa có giải pháp kịp thời với tình hình luôn biến đổi. Dịch vụ còn đơn điệu, chủ yếu cung cấp thức ăn là chính, chưa đa dạng hóa mặt hàng và dịch vụ phục vụ nuôi.

2.4 Về nhân sự – hành chính :

Nhằm đảm bảo yêu cầu duy trì và phát triển đơn vị, công ty huy động nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho sản xuất, đặc biệt vào cao điểm sản xuất. Tổng số lao động ở tháng tám là 3.989 người. Trong đó, công nhân là 3.873 người và khối gián tiếp 116 người. Lao động có trình độ đại học và trên đại học 54 người, trung cấp 67 và qua đào tạo nghề. Trong năm tổ chức cũng bố trí, thay đổi một số vị trí công tác nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành trong tình hình mới. Đồng thời, công ty cũng mở nhiều đợt tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ cấp trung, cấp thấp và đưa đi tập huấn một số cán bộ cấp cao.

Ngoài ra, công ty cũng cải tiến công tác tiền lương, tiền thưởng theo hướng khuyến khích người lao động không những quan tâm đến sản lượng, khối lượng công việc mà còn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả của công việc. Hơn nữa, công ty còn cải tiến tiêu chuẩn thi đua theo hướng động viên tính trung thực, năng động, sáng tạo và trách nhiệm của người lao động.

Năm 2009, mặc dù tình hình kinh tế khó khăn, nhưng đời sống người lao của công ty tương đối ổn định với thu nhập bình quân 2.440.000 đồng/người/tháng. Đại bộ phận người lao động được tổ chức tham quan nghỉ mát. Các chế độ khác theo luật định được công ty thực hiện đầy đủ như BHLĐ, BHYT, ATLĐ,...

Bên cạnh những yếu tố tích cực trên, lĩnh vực này vẫn còn nhiều bất cập. Lực lượng lao động còn thiếu ổn định, tay nghề công nhân không đồng đều cùng với nhận thức yêu

kém ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng và hiệu quả của hoạt động. Kỹ năng điều hành của một số cán bộ còn yếu, đặc biệt cán bộ cấp trung và cấp cơ sở. Phương thức điều hành chậm được cải tiến, cập nhật, gây khá nhiều phiền hà cho hoạt động, đặc biệt trong việc phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban, phân xưởng và giữa các cấp trong cùng bộ phận.

Công tác bảo vệ tài sản trong năm qua được quan tâm đúng mức. Công tác phòng cháy, chữa cháy được tổ chức thực hiện nghiêm túc từ ban giám đốc đến xí nghiệp phòng ban và cơ sở. Nhờ vậy không xảy ra sự cố nào. Trong năm công ty đã phát hiện kịp thời nhiều vụ trộm cắp tài sản của doanh nghiệp và thu hồi tài sản bị thất thoát. Việc điều hành, bảo quản xe cộ và các công tác khác như y tế, khánh tiết,... đạt yêu cầu.

Song công tác bảo vệ tài sản, điều hành chưa đi vào chiều sâu. Trong tổ chức thực hiện còn mang tính bị động, chưa dự báo được tình hình (đánh giá SA 8000). Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm cho công nhân, y tế còn nhiều bất cập.

2.5. Về đầu tư xây dựng cơ bản.

Trong năm công ty thực hiện đầu tư XD CB một số công trình như hệ thống xử lý nước thải và cải tạo một số hạng mục của các nhà máy với tổng giá trị 1,035 tỷ đồng. các hạng mục này góp phần duy trì hoạt động SXKD và xử lý môi trường nước thải.

2.6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2009.

	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch
- Sản lượng sản xuất	7.000 tấn	6.659 tấn	95%
- Kim ngạch xuất khẩu	60 triệu USD	69,95 triệu USD	117%
- Lợi nhuận	15 tỷ đồng	20,02 tỷ đồng	133%
- Cổ tức (dự kiến)	12%	18%	150%
- Đầu tư nuôi	500 ha	535 ha	107%
- Thu nhập bình quân	2.150.000 đ	2.440.000 đ	113%

Năm 2009, hầu hết các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt kế hoạch, riêng chỉ tiêu sản lượng sản xuất chỉ đạt 95% là do sản lượng tôm nuôi của nông dân năm 2009 giảm mạnh.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty không ngừng cải tiến trong hoạt động sản xuất nhằm nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, luôn được khách hàng đánh giá cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

a) Mục tiêu

Thực hiện kế hoạch HĐQT, trên cơ sở thuận lợi và khó khăn, năm 2010, công ty quyết tâm xây dựng mục tiêu :

Tiếp tục phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên cơ sở tập trung đầu tư nhằm khai thác hết năng lực toàn công ty, đồng thời tiếp tục cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý, điều hành nhằm giữ vững vị trí công ty là một trong ba doanh nghiệp có doanh số xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và tạo điều kiện phát triển trong những năm tới. Xây dựng trụ cột tam giác: Giá cả hợp lý, chất lượng ổn định và cung cấp thường xuyên, giao hàng đúng hạn.

b) Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010

- Sản lượng sản xuất : 8.500 tấn thành phẩm
- Kim ngạch xuất khẩu : 70 triệu USD
- Lợi nhuận : 25 tỷ đồng.
- Đầu tư nuôi tôm : 700 ha mặt nước
- lương bình quân : 3 triệu đồng/người/tháng

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Nội dung		Số đầu năm	Số cuối năm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN		367.229.559.229	404.491.844.024
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		19.432.291.486	194.894.216.240
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		4.169.663.506	7.353.063.156
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		58.392.909.068	72.800.629.633
4. Hàng tồn kho		282.309.462.521	127.691.096.848
5. Tài sản ngắn hạn khác		2.925.232.648	1.752.838.147
II. TÀI SẢN DÀI HẠN		169.565.264.500	160.865.354.249
1. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
2. Tài sản cố định		161.790.554.537	154.793.705.761
- Tài sản cố định hữu hình		131.849.728.983	123.920.075.585
- Tài sản cố định vô hình		15.822.309.923	16.826.674.459
- Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		14.118.515.631	14.046.955.717
3. Bất động sản đầu tư		-	-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
5. Tài sản dài hạn khác		2.774.709.963	1.071.648.488
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN		536.794.823.729	565.357.198.273

IV. Nợ phải trả		317.283.409.155	346.050.740.334
1. Nợ ngắn hạn		271.596.298.755	331.448.317.959
2. Nợ dài hạn		45.687.110.400	14.602.422.375
V. Vốn chủ sở hữu		219.511.414.574	219.306.457.939
1. Vốn chủ sở hữu		219.230.040.018	216.978.722.304
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		77.500.000.000	77.500.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần		107.650.000.000	107.650.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
- Cổ phiếu quỹ		(2.695.000.000)	(2.695.000.000)
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(2.759.776.676)
- Quỹ đầu tư phát triển		7.488.889.606	11.230.127.455
- Quỹ dự phòng tài chính		4.344.564.753	6.838.723.319
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.941.585.659	19.214.648.206
- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		281.374.556	2.327.735.635
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		281.374.556	2.327.735.635
- Nguồn kinh phí		-	-
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		536.794.823.729	565.357.198.273
II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Chỉ tiêu		Năm trước	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.106.824.195.905	1.314.292.522.338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	10.809.236.615
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.106.824.195.905	1.303.483.285.723
4. Giá vốn hàng bán		1.003.732.112.436	1.225.196.906.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.092.083.469	78.286.379.506
6. Doanh thu hoạt động tài chính		16.033.487.768	29.657.304.896
7. Chi phí tài chính		33.124.500.575	20.859.358.256

8. Chi phí bán hàng		39.971.237.164	48.272.730.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		22.492.369.698	18.856.128.680
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.537.463.800	19.955.466.490
11. Thu nhập khác		1.579.173.304	682.406.829
12. Chi phí khác		66.755.146	614.492.926
13. Lợi nhuận khác		1.512.418.158	67.913.903
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.049.881.958	20.023.380.393
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp		108.296.299	808.732.187
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.941.585.659	19.214.648.206
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.649	2.569
18. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		2.000	
V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	31,59	28,45
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	68,41	71,55
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	59,11	61,21
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	40,89	38,79
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,31	0,84
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,35	1,22
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,65	3,40
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,25	1,47
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,36	8,76

*** Chi tiết Bảng cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính vui lòng xem tại trang web : www.stapimex.com.vn**

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC)

- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG (STAPIMEX) cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt : Không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ : Không

- Các nhận xét đặc biệt : Không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Không

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : Không

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty :

Bộ máy quản lý Công ty bao gồm :

* Hội đồng quản trị , gồm 5 thành viên :

- Hà Hữu Tri : Chủ tịch

- Tạ Văn Vững : Phó chủ tịch

- Trần Văn Phẩm : thành viên

- Nguyễn Văn Mạg : thành viên

- Phạm Thanh Phong : thành viên

* Ban Tổng giám đốc, gồm 3 thành viên :

- Trần Văn Phẩm : Tổng giám đốc

- Hà Hữu Tri : Phó tổng giám đốc

- Nguyễn Văn Mạg : Phó tổng giám đốc

* Các phòng và Xí nghiệp , bao gồm :

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài vụ

- Phòng tổ chức hành chính
 - Phòng Đầu tư nuôi trồng thủy sản
 - Phòng Kỹ thuật
 - 02 xí nghiệp chế biến tôm xuất khẩu .
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

ST T	Họ Tên	Năm sinh	Trình độ	Kinh nghiệm công tác	Chức vụ HĐQT	Quản lý
1	Hà Hữu Tri	1959	Cử nhân QTKD	Làm việc tại Cty từ 1977	Chủ tịch HĐQT	Phó TGD
2	Trần Văn Phẩm	1967	Thạc sỹ quản trị KD	Làm việc tại Cty từ 1990	Thành viên HĐQT	Tổng giám đốc
3	Tạ Văn Vững	1971	Thạc sỹ quản trị KD	Làm việc tại Cty từ 1993	P.Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng
4	Nguyễn Văn Mạng	1967	KS Hoá, cử nhân Luật	Làm việc tại Cty từ 1994	Thành viên HĐQT	Phó TGD
5	Phạm Thanh Phong	1961	TC Quản lý H.chánh	Làm việc tại Cty từ 1984	Thành viên HĐQT	P. phòng TCHC

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : Không thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

+ Số lượng cán bộ, nhân viên : 3.174 người, trong đó thời vụ : 1.543 người

+ Thu nhập bình quân: 2.440.000 đồng/ người/ tháng

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : Không thay đổi

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

- Hoạt động của HĐQT: (Theo báo cáo hoạt động SXKD của HĐQT)

- Hoạt động của Ban kiểm soát : (Kèm báo cáo hoạt động của BKS)

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty : Thường xuyên cải tiến công tác quản lý, không ngừng đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý Công ty, bên cạnh đó luôn chú trọng công tác tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ cao. Công ty không ngừng cải tiến và hoàn thiện các qui trình quản lý, phân công phân nhiệm rõ ràng kết hợp với việc nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống quản lý tài chính.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát :

+ Thù lao của các thành viên HĐQT:

Hà Hữu Tri - Chủ tịch : 10.000.000 đồng/tháng.

Tạ Văn Vững - Phó chủ tịch : 6.000.000 đồng/tháng.

Trần Văn Phẩm - thành viên : 5.000.000 đồng/tháng.

Nguyễn Văn Mạnh - thành viên :	5.000.000 đồng/tháng.
Phạm Thanh Phong - thành viên :	5.000.000 đồng/tháng.
Tổng mức thù lao của hội đồng quản trị năm 2009 là: 397.000.000 đồng	
+ Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát:	
Nguyễn Văn Tân - Trưởng ban :	2.000.000 đồng/người/ tháng.
Âu Châu Phương - Thành viên :	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Nguyễn T Kim Chi - Thành viên :	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Trần Văn Bằng - Thành viên :	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Nguyễn Đăng Khoa - Thành viên :	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Tổng mức thù lao của ban Kiểm soát năm 2009 là : 96.000.000 đồng	

2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông:

2.1. Cổ đông Nhà nước

Tổng số cổ đông công ty là : 219 cổ đông, nắm giữ 7.480.500 CP

Trong đó : Tổ chức : 09 cổ đông, nắm giữ 5.851.000 cổ phần

Cá nhân : 210 cổ đông, nắm giữ 1.629.500 cổ phần

* Tổng công ty đầu tư và KD vốn nhà nước (SCIC) nắm giữ :

2.695.000 CP , chiếm 34,77% vốn điều lệ .

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

* Quỹ ĐT chứng khoán Sài Gòn A2 :1.017.979 CP, chiếm 13,13% vốn điều lệ Công ty. Địa chỉ : 13A Tú Xương, P7 , Quận 3 , TP Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính .

* Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam : nắm giữ 770.000 CP, chiếm 9,94% vốn điều lệ Công ty . Địa chỉ : Lầu 10 Cao ốc văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính .

* Tổng Công ty tài chính CP dầu khí Việt Nam – CN Thành Phố HCM :

531.021 CP , chiếm 6,85 % vốn điều lệ Công ty. Địa chỉ : 208 Nguyễn Trãi, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 , TP Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính .

2.2. Cổ đông sáng lập :

Cổ đông sáng lập của Công ty là Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Địa chỉ : 15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm ,Hà Nội. Nắm giữ : 2.695.000 CP , chiếm 34,77% vốn điều lệ Công ty .

Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng xin công bố kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 và định hướng kinh doanh trong thời gian tới đến toàn bộ quý cổ đông và khách hàng, Công ty rất mong được sự góp ý của tất cả cổ đông để giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký)

HÀ HỮU TRI